TÒA ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN CÁT HẢI** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày 28-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Lại

Ông Đoàn Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đình Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Huy Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng và tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Duy T, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1991, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án: 01, Bản án số 349/2023/HSST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024; có mặt.

2. Lê Thành T1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1992, tại Khánh Hoà; nơi cư trú: khu dân cư P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Anh T và bà Lê Thị Minh N; có vợ là Nguyễn Thị Q và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:*

+ Công ty TNHH tư vấn hiệu chuẩn đo lường Hi - Tech; địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện: Ông Lê Xuân C - chức vụ Giám đốc; có mặt

+ Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh V; địa chỉ: Xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng

Người đại diện: Ông Trịnh Văn N - chức vụ Giám đốc sản xuất toàn cầu; vắng mặt

+ Công ty TNHH D (Công ty GST); địa chỉ: khu nhà N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện: Bà Đinh Thị Lan H - Chức vụ Giám đốc; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Công ty C (ADQ); địa chỉ: hường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông Lê Duy T – Chức vụ Giám đốc; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Duy T*: Luật sư Lê Văn K - Văn phòng Luật sư Ánh sáng công lý, đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phòng 803 CT1 toà nhà C14 Bắc Hà, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2020, Lê Duy T thành lập công ty C (gọi tắt là Công ty ADQ), để ký kết các hợp đồng tư vấn đầu tư.

Năm 2021, T tham gia vào nhóm Zalo có tên "PTN ISO 17025" để trao đổi kinh nghiệm mua bán máy móc thiết bị và quen biết với Lê Thành T1 là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn thông dụng (gọi tắt là Công ty GST). Công ty GST hoạt động trong lĩnh vực hiệu chuẩn, đo lường thiết bị.

Khoảng đầu tháng 6/2022, Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh V (gọi tắt

là Công ty V), gửi yêu cầu cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn với 116 thiết bị của Công ty V cho Công ty GST. Bị cáo T1 được Công ty GST giao nhiệm vụ phụ trách đơn hàng trên của Công ty V. T1 kiểm tra thông tin 116 thiết bị cần hiệu chuẩn thì biết Công ty GST có năng lực hiệu chuẩn 90 thiết bị còn lại 26 thiết bị nằm ngoài năng lực. Để thực hiện đơn hàng, T1 liên hệ nhờ T tìm kiếm đối tác hiệu chuẩn đối với 26 thiết bị của Công ty V, T đồng ý. T lên mạng tìm kiếm thông tin thì biết Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn hiệu chuẩn đo lường H (gọi tắt là Công ty H), địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có khả năng hiệu chuẩn đối với 26 thiết bị mà T1 đưa ra. T tải trên mạng hồ sơ năng lực hiệu chuẩn của Công ty H và lập báo giá dịch vụ hiệu chuẩn 26 thiết bị gửi cho T1 để làm căn cứ chứng minh năng lực hiệu chuẩn. T1 báo cáo Công ty GST về việc thuê Công ty H hiệu chuẩn đối với 26 thiết bị của Công ty V. Căn cứ hồ sơ năng lực, giá dịch vụ, Công ty GST và Công ty V đã ký kết hợp đồng hiệu chuẩn đối với 116 thiết bị. Do muốn hoàn thành đơn hàng đúng thời hạn nên T1 hỏi T việc không cần thực hiện hiệu chuẩn thực tế mà Công ty H vẫn cấp được giấy chứng nhận hiệu chuẩn không thì T trao đổi là cấp được. T báo cho T1 biết giá 01 bộ Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn là 400.000 đồng, T1 đồng ý và việc thanh toán sẽ được chuyển khoản giữa Công ty GST và Công ty ADQ. Sau khi trao đổi với T1, T không liên hệ hay ký kết hợp đồng với Công ty H mà T nảy sinh ý định làm giả tài liệu của công ty H. T lên mạng tìm kiếm thì được tài khoản Zalo tên "Tramxinh" (không rõ lai lịch) liên hệ, trao đổi là có thể làm con dấu theo yêu cầu của T. T tải trên mạng hình con dấu pháp nhân của Công ty H rồi gửi cho tài khoản zalo "Tramxinh" để làm con dấu giả với giá 10.000.000 đồng. T trực tiếp nhận con dấu giả do tài khoản trên gửi đến và thanh toán tiền mặt. Đồng thời, bị cáo T tiếp tục lên mạng tìm kiếm, tải mẫu Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của Công ty H phát hành cho khách hàng về máy tính cá nhân. Sau đó sử dụng phần mềm chỉnh sửa, thêm thông tin của 26 thiết bị do T1 gửi rồi dùng máy in ra, đóng dấu pháp nhân giả của Công ty H lên để hoàn thành 26 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn giả của Công ty H phát hành cho khách hàng. Bị cáo T còn tự nghĩ ra mẫu Tem có ký hiệu "H CALBRATION" rồi dùng máy in ra 26 Tem hiệu chuẩn giả của Công ty H, để trống phần thông tin để T1 sẽ ghi khi thực hiện dán tem hiệu chuẩn. T gửi 26 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn giả và 26 Tem hiệu chuẩn giả cho T1 qua đường bưu điện. Khi T1 nhận được tài liệu giả do T gửi, T1 điền thông tin vào 26 Tem chứng nhận hiệu chuẩn giả và đưa cho anh Nguyễn Văn D là trưởng nhóm hiệu chuẩn tại nhà máy V của Công ty GST tiến hành dán 20 tem hiệu chuẩn giả vào thiết bị tại Công ty V. Đối với 06 thiết bị còn lại của Công ty V, bị cáo T1 mang về phòng thí nghiệm của Công ty GST để tự dán tem giả vào. Khi hoàn thành việc dán tem hiệu chuẩn, T1 cung cấp 26 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn giả cho Công ty V để hoàn thành công việc. Sau đó, Công ty GST và Công ty V đã thanh toán tiền theo hợp đồng đã ký kết. Công ty GST cũng thanh toán chuyển khoản cho Công ty ADQ (do T làm giám đốc) số tiền 19.548.000 đồng. T1 được T chuyển cho

số tiền 4.000.000 đồng là tiền hưởng lợi từ việc mua tài liệu giả của T.

Về vật chứng:

Ngày 13/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã tạm giữ 26 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn (ký hiệu mẫu giám định từ A1 đến A26) và 04 tem dán kiểm định hiệu chuẩn (ký hiệu mẫu giám định từ A27 đến A30) mang tên Công ty H do Công ty V tự nguyện giao nộp để phục vụ điều tra

Tạm giữ 03 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn (ký hiệu mẫu giám định từ M1 đến M3) và các mẫu tem, phôi của Giấy chứng nhận hiệu chuẩn (ký hiệu mẫu giám định M4) do Công ty H giao nộp để phục vụ điều tra.

Tạm giữ 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo Think Pad, X240-i7, màu đen; 01 máy in màu Brother DCP-T300, màu đen; 01 điện thoại hiệu Pixel 2XL, IMEI 358035088238088 lắp sim 0979855774, đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để chờ thi hành án.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại cơ quan điều tra đã khai: Anh là nhân viên của công ty GST, công việc chính là hiệu chuẩn thiết bị của khách hàng theo sự phân công của Công ty. Ngày 20/6/2022, anh nhận được phân công công việc trên hệ thống về phân công cho anh làm trưởng nhóm thực hiện hiệu chuẩn 90 thiết bị tại nhà máy điện tử của Công ty V. Ngoài 90 thiết bị Công ty GST phải hiệu chuẩn ra còn có 26 thiết bị được phân thầu cho bên thứ 3 hiệu chuẩn. Tôi thực hiện việc hiệu chuẩn ngay tại Nhà máy V đối với những thiết bị không cần mang về phòng thí nghiệm. Ngày 21/6/2022, trước khi đi hiệu chuẩn, T1 có đưa cho anh 26 tem hiệu chuẩn có ký tự Hi – Tech Cabibration nhờ dán lên thiết bị và ghi tên thiết bị, ghi ngày hiệu chuẩn và ghi ngày hết hạn hiệu chuẩn, T1 có trao đổi là đơn vị phân thầu sẽ đi hiệu chuẩn sau. Đối với 26 tem do bên phân thầu do T1 đưa, tôi thực hiện việc dán tem hiệu chuẩn lên 20 thiết bị tại nhà máy, còn 6 thiết bị tôi mang về công ty GST và đưa cho nhân viên công ty. Trong quá trình thực hiện dán các tem kiểm định thì không thấy nhân viên của Công ty Hi – Tech có mặt.

Tại bản Kết luận giám định số 273/KL-KTHS ngày 21/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ ĐO LƯỢNG H" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A26 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra; Hình dấu tròn có nội dung "KT79" tại mục "Ký hoặc đóng dấu" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A26 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu só sánh ký hiệu từ M1 đến M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra; Hình dấu vuông có nội dung "QS09" tại mục "Ký hoặc đóng dấu" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A 26 so với hình dấu vuông có cùng nội dung trên các mẫu

so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra; Tem hiệu chuẩn thiết bị "H CALIBRATION" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A27 đến A30 so với tem hiệu chuẩn thiết bị màu xanh trên mẫu so sánh ký hiệu M4 không cùng phương pháp in tương ứng.

Kết luận giám định số 2434 ngày 16/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Đối tượng giám định là máy tính xách tay hiệu Lenovo Think Pad, X240-i7, màu đen: Không tìm thấy dữ liệu trên ổ cứng nhãn hiệu SAMSUNG, mã S/N: S17LNSAF462352 của máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo Think Pad X240; Đối tượng giám định là điện thoại hiệu Pixel 2XL: Trích xuất thông tin 2550 cuộc gọi; 10066 danh bạ; 44 cuộc trò chuyện Facebook;111 cuộc trò chuyện Facebook Messenger; 349 cuộc trò chuyện Messenger, 26 cuộc trò chuyện Skype; 167 cuộc trò chuyện Telegram; 229 cuộc trò chuyện Viber; 42 cuộc trò chuyện Whatsup; 365 cuộc trò chuyện Zalo trên điện thoại nhãn hiệu G (Pixel 2XL) có số IMEI 358035088238088; Sim in dãy số 8984048000314482029 có số ICCID: 89840480003144820293 không tìm thấy nội dung liên quan. Kèm theo Kết luận giám định là 01 đĩa quang lưu dữ liệu.

Bản Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 06/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Lê Duy T về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Thành T1 về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu, xác nhận việc điều tra, truy tố đối với các bị cáo là không oan sai, trong quá trình điều tra, việc khai báo là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật.

Tại phiên toà, nguyên đơn dân sự là đại diện công ty Hi Tech không yêu cầu các bị cáo bồi thường và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải giữ quyền công tố luận tội: Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 341, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Duy T từ 42 đến 48 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành T1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử Huỷ bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Thành T1.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với 26 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn giả; 04 Tem chứng nhận hiệu chuẩn giả do công ty V giao nộp và 03 mẫu Giấy chứng nhận, 05 mẫu Tem hiệu chuẩn do Công ty H cung cấp, hoàn lại sau giám định, đây là tài liệu chứng cứ nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo, màu đen; 01 máy in màu, màu đen; 01 điện thoại hiệu Pixel 2XL, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, trích xuất dữ liệu và trả lại cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty V, Công ty GST đã thỏa thuận xong về việc bồi thường trách nhiệm dân sự . Công ty GST, Công ty H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 19.550.000.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính do bị cáo T tự nguyện giao nộp; số tiền 4.000.000 đồng là số tiền bị cáo T1 được bị cáo T cho lại, bị cáo T1 đã tự nguyện giao nộp nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên toà, Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, vì theo luật sư bào chữa đề nghị mức hình phạt của Đại diện VKS là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo.

Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Về tội danh và khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, xác định bị cáo T đã có hành vi đặt mua con dấu tròn có nội

dung thông tin của Công ty Hi - Tech, đồng thời lên mạng sao chép mẫu Giấy hiệu chuẩn của Công ty Hi -Tech, chỉnh sửa, điền thông số kĩ thuật của thiết bị cần hiệu chuẩn sau đó in màu, dùng con dấu tròn đã mua từ trước đóng lên để làm giả 26 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và bị cáo còn tự làm mẫu tem mang tên H Calibration, sau đó bị cáo in màu để làm giả 26 tem hiệu chuẩn và chuyển cho bị cáo T1.

[3] Đối với bị cáo T1, bị cáo trao đổi với bị cáo T về việc không cần xuống tận nơi để hiệu chuẩn mà chỉ cần gửi cho bị cáo T1 giấy chứng nhận hiệu chuẩn và thống nhất giá tiền là 400.000 đồng/bộ gồm giấy chứng nhận hiệu chuẩn và tem hiệu chuẩn. Tại phiên toà bị cáo khẳng định bị cáo biết đó là những giấy chứng nhận và tem giả nhưng bị cáo không biết nguồn gốc của số giấy tờ giả đó. Như vậy, bị cáo T1 đã biết rõ 26 bộ giấy chứng nhận và tem hiệu chuẩn của bị cáo T đưa là giả nhưng với mục đích để hoàn thành nhiệm vụ được công ty giao, bị cáo vẫn sử dụng số giấy tờ giả nói trên để thực hiện hành vi trái pháp luật là lừa dối Công ty GST và Công ty V và được bị cáo T cho số tiền là 4.000.000 đồng.

[4] Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm khách thể là hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ.

[5] Hành vi của bị cáo T đã vi phạm vào tội Làm giả tài liệu của Cơ quan, tổ chức, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi của bị cáo T1 đã vi phạm vào tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự

[7] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cả hai bị cáo đều tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo T1 còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân:

[10] Bị cáo T có 01 tiền án, Bản án số 349/2023/HSST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Đến thời điểm xét xử, bị cáo vẫn đang chấp hành

án của bản án trước. Bị cáo không phạm tội trong thời gian thử thách của bản án trước đó, mà hành vi phạm tội của bản án này xảy ra trước hành vi phạm tội của bản án xét xử năm 2023. Do đó, chỉ đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, khó giáo dục tại cộng đồng, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung vụ án, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy áp dụng mức thấp nhất của mức đề nghị của Viện kiểm sát là đủ tính răn đe, giáo dục và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[11] Bị cáo T1 là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo đều chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, bị cáo có nơi cư trú ổn định, nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thấy việc cho bị cáo cải tạo tại địa phương là đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đối với bị cáo.

[12] Về hình phạt bổ sung*:* Các bị cáo trước khi bị bắt đều không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

[13] Đối với số tiền 23.550.000 là số tiền thu lợi bất chính do các bị cáo tự nguyện nộp cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[14] Đối với 26 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn giả; 04 Tem chứng nhận hiệu chuẩn giả do công ty V giao nộp và 03 mẫu Giấy chứng nhận, 05 mẫu Tem hiệu chuẩn do Công ty H cung cấp, hoàn lại sau giám định, đây là tài liệu chứng cứ nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[15] Đối với 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo Think Pad, X240-i7, màu đen; 01 máy in màu Brother DCP-T300, màu đen; 01 điện thoại hiệu Pixel 2XL, IMEI 358035088238088 lắp sim 0979855774, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, trích xuất dữ liệu và trả lại cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục thi hành án. Việc xử lý của cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Cát Hải là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật

Về trách nhiệm dân sự:

[16] Công ty GST đã thống nhất thoả thuận về bồi thường dân sự đối với Công ty V. Công ty GST và Công ty Hi -Tech không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Về các vấn đề khác:

[17] Đối với hành vi đặt mua con dấu của Công ty Hi- Tech giả trên mạng, tuy nhiên không xác định được lai lịch địa chỉ người bán dấu giả, đồng thời bị cáo đã tiêu huỷ con dấu nên không có cơ sở xử lý.

[18] Đối với Công ty GST và Nguyễn Văn D hiệu chuẩn viên, do không biết việc bị cáo T1 mua, sử dụng tài liệu giả nên không có cơ sở xử lý.

[19] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[20] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Duy T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thành T1.

Tuyên bố:

+ Bị cáo Lê Duy T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức";

+ Bị cáo Lê Thành T1 phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

Xử phạt:

+ Bị cáo Lê Duy T 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/7/2024.

+ Bị cáo Lê Thành T1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Lê Thành T1 cho Uỷ ban nhân dân phường A, quận D, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

"1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Uỷ ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Uỷ ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Uỷ ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách."

Căn cứ khoản 1, Điều 125 của Bộ luật Hình sự: Huỷ bỏ lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 17/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 13/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng đối với bị cáo Lê Thành T1.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 23.550.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0005759 và 0005760 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, Hải Phòng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Toà án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam CA TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cát Hải;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Cát Hải;
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải;
- UBND phường A, quận D,
Thành phố Hải Phòng;
- UBND phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**